

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **298/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/7/2019

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Phu**

Ông **Huỳnh Tnh Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang Tm gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 345/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Kim T**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Số 130/2, ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang.(có mặt)

- Bị đơn: Ông **Võ Tnh N**, sinh năm 1998; nơi cư trú: 130/2, ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang.(vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Trương Thị Kim T trình bày:

Hôn nhân giữa bà T và ông N là do tự tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng bốn tháng sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N Ty đổi tính tình, hay ghen tuông vô cớ rồi hành hung bà T, không những thế ông N không chăm lo cho kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay tranh cãi, bà T bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho đến

nay. Bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt văn bản cho ông N theo quy định nhưng ông N vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông N làm việc nhưng vẫn không gặp ông N để ghi lời khai. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T và ông N để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh của ông Võ Tnh N 26/6/2019 được bà Hồ Thị Chua – Trưởng ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết hiện nay ông N vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang nhưng hiện nay ông N thường hay rời địa phương đi không rõ là đi đâu, thì thoảng ông N cũng trở về địa phương.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn ngày 26/6/2019 được ông Võ Minh Hạnh – là chú ruột của ông Võ Tnh N cho biết: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là do cả hai người tự tìm hiểu, yêu thương nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng một năm sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai không hợp nhau, ông N bị bệnh bà T tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, hiện nay theo ông được biết thì bà T và ông N đã ly thân bốn tháng. Theo ông thì việc quay trở về chung sống hay không là tùy thuộc vào bà T và ông N ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người Tm gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải Ty đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà T cho thấy tình cảm vợ chồng bà T và ông N không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Tấn N. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 Tm gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông N do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, vào ngày 22/3/2018 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông N, tại phiên tòa bà T cho rằng quá trình sống chung và dẫn đến mâu thuẫn là do ông N không lo cho cuộc sống gia đình, không tìm kiếm việc làm chỉ chơi game, bà xin đi làm thì ông N ghen tuông rồi hành hung vợ con nên bà không còn tình cảm vợ chồng và quyết định ly hôn, ông N vẫn còn ở nhà nhưng lại không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng, do đó có căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà T và ông N không có con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có. Do ông N vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông N có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim T.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Kim T được ly hôn với ông Võ Tnh N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 22/3/2018 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011218 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Võ Tnh N được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC TDS;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi